

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/CV-CTY

Đồng Nai, ngày 17 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN


- Mã chứng khoán: DHA
- Địa chỉ: 20C. KP Cầu Hang, P. Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
- Điện thoại liên hệ: 0251.3954458 Fax:
- E-mail: info@hoaan.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

- Công ty cổ phần Hóa An công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn: <http://hoaancom.vn> mục *quan hệ cổ đông/báo cáo tài chính/năm 2022*.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. 

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán.

Đại diện tổ chức

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Nguyễn Văn Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8 – 9

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

10 – 37

512
NG
TNH
ĐÁN
VIỆ
P P

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoá An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Bà Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đặng Xuân Long	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Trần Quốc Trung	Thành viên	
Ông Đặng Xuân Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022
Ông Đỗ Việt Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Tiến Bày
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Số: 117/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa An tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.280.328.082	393.899.760.544
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	60.897.636.225	133.571.576.028
1. Tiền	111		60.897.636.225	55.071.576.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	78.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	222.862.241.485	183.246.550.653
1. Chứng khoán kinh doanh	121		88.534.404.653	23.454.262.429
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.672.163.168)	(3.207.711.776)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		170.000.000.000	163.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.440.203.444	71.821.094.230
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	38.633.105.216	34.769.589.487
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.431.051.712	6.344.579.589
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	27.159.956.623	27.159.956.623
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	3.116.546.516	4.447.425.154
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(900.456.623)	(900.456.623)
IV. Hàng tồn kho	140		64.650.000	139.950.000
1. Hàng tồn kho	141		632.726.166	708.026.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(568.076.166)	(568.076.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.015.596.928	5.120.589.633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	475.907.725	880.551.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.157.259.327	1.946.276.118
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	8.382.429.876	2.293.762.224
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122.132.335.637	137.321.671.700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.968.909.709	7.517.497.139
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	7.968.909.709	7.517.497.139
II. Tài sản cố định	220		53.160.725.361	58.565.515.879
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	16.005.418.758	16.438.620.904
Nguyên giá	222		84.272.472.754	84.372.713.787
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.267.053.996)	(67.934.092.883)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	37.155.306.603	42.126.894.975
Nguyên giá	228		97.797.141.259	97.797.141.259
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.641.834.656)	(55.670.246.284)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.140.058.801	21.140.058.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	21.140.058.801	21.140.058.801
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		39.862.641.766	50.098.599.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	39.862.641.766	50.098.599.881
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		491.412.663.719	531.221.432.244

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.046.475.371	62.638.416.897
I. Nợ ngắn hạn	310		43.092.760.650	57.112.905.017
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	12.186.403.239	10.049.811.411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.692.195.025	2.912.146.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	9.453.912.419	23.068.500.138
4. Phải trả người lao động	314	4.14	10.656.144.790	12.686.208.305
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		658.105.773	493.601.693
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		128.191.251	40.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.16.5	8.317.808.153	7.862.636.837
II. Nợ dài hạn	330		5.953.714.721	5.525.511.880
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.15	5.953.714.721	5.525.511.880
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		442.366.188.348	468.583.015.347
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16.1	442.366.188.348	468.583.015.347
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(11.645.123.500)	(11.645.123.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		98.745.293.116	98.745.293.116
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		145.668.142.732	171.884.969.731
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		93.335.881.069	81.630.492.147
LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.332.261.663	90.254.477.584
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		491.412.663.719	531.221.432.244



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	387.820.074.803	337.422.824.214
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		387.820.074.803	337.422.824.214
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	284.973.204.825	242.366.718.673
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.846.869.978	95.056.105.541
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	11.080.545.855	25.756.434.014
6. Chi phí tài chính	22	5.4	32.603.530.808	(4.690.726.859)
7. Chi phí bán hàng	25		13.000.000	102.284.808
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	16.578.967.172	15.779.182.018
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.731.917.853	109.621.799.588
10. Thu nhập khác	31		616.142.045	2.771.388.342
11. Chi phí khác	32		68.149.218	160.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		547.992.827	2.611.388.342
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.279.910.680	112.233.187.930
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	12.947.649.017	21.978.710.346
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52.332.261.663	90.254.477.584
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.3	3.412	5.884
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.4	3.412	5.884



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		65.279.910.680	112.233.187.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	8.159.086.426	9.468.897.215
Các khoản dự phòng	03		32.464.451.392	(4.877.406.950)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.816.045.281)	(13.535.214.810)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		95.087.403.217	103.289.463.385
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.370.172.645)	14.859.533.953
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		75.300.000	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.746.050.445)	12.767.555.179
Tăng giảm chi phí trả trước	12		10.640.601.681	8.451.400.343
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(65.080.142.224)	38.959.759.954
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(17.551.524.776)	(21.532.153.113)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.155.008.684)	(3.503.490.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(99.593.876)	153.296.069.315
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.754.295.908)	(3.179.513.016)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		605.454.545	3.248.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(176.000.000.000)	(111.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		169.000.000.000	88.600.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.210.590.736	10.770.238.968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.061.749.373	(12.261.274.048)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(73.636.095.300)	(44.183.949.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.636.095.300)	(44.183.949.300)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(72.673.939.803)	96.850.845.967
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		133.571.576.028	36.720.730.061
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4.1	60.897.636.225	133.571.576.028



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa An (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An trực thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1. Ngày 18 tháng 04 năm 2000, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 04 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600464464 (số cũ là 4703000008) ngày 08 tháng 06 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 06 tháng 09 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 151.199.460.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	37.583.430.000	24,86	37.583.430.000	24,86
Các cổ đông khác	113.616.030.000	75,14	113.616.030.000	75,14
Cộng	151.199.460.000	100	151.199.460.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 117 (31/12/2021: 119).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác đá và chế biến khoáng sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác vật liệu đá xây dựng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	Lô E, Đường số 2B, khu Công Nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	28,13%	28,13%	28,13%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Mỏ đá Thạnh Phú 2	Xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Tân Cang 3	Phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Mỏ đá Núi Gió	Xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 05 - 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 - 10 năm |

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Thạnh Phú 2 tại xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Núi Gió tại xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước và giá trị quyền sử dụng diện tích đất thuộc mỏ đá Tân Cang 3 tại khu phố Thiên Bình, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai trong 20 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến bóc đất phủ các mỏ đá, chi phí thuê đất, chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Chi phí bóc đất được phân bổ dần từ 03 năm đến 15 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí làm đường, thăm dò trữ lượng và chi phí khác được phân bổ từ 03 đến 20 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng (đá xây dựng) được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	2.849.828.741	5.362.646.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.047.807.484	49.708.929.824
Các khoản tương đương tiền	-	78.500.000.000
Cộng	60.897.636.225	133.571.576.028

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Công ty CP Tập đoàn Hoà Phát	80.343.750.000	47.520.000.000	(32.823.750.000)	15.263.000.000	13.920.000.000	(1.343.000.000)
Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh	6.043.354.161	3.574.836.000	(2.468.518.161)	6.043.354.161	4.557.915.900	(1.485.438.261)
Các cổ phiếu khác	1.300.492	679.000	(621.492)	1.865.387	1.865.387	-
Cộng	86.388.404.653	51.095.515.000	(35.292.889.653)	21.308.219.548	18.479.781.287	(2.828.438.261)
Các khoản đầu tư khác:						
Công ty CP Du Lịch Phú Yên	2.146.000.000	(*)	(379.273.515)	2.146.000.000	(*)	(379.273.515)
Công ty Xây dựng & Dịch Vụ Nhà Quận 8	-	(*)	-	42.881	(*)	-
Cộng	2.146.000.000		(379.273.515)	2.146.042.881		(379.273.515)
Tổng Cộng	88.534.404.653		(35.672.163.168)	23.454.262.429		(3.207.711.776)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cổ phiếu đã được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,6%/năm đến 10,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2022

VND

Tại ngày 01/01/2022

VND

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO ^(a)	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)	8.459.840.000	(*)	(8.459.840.000)
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Tổng Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xuất nhập khẩu Foodinco ^(b)	510.000.000	(*)	(510.000.000)	510.000.000	(*)	(510.000.000)

a) Khoản đầu tư này tương đương với 28,13% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động xây dựng công trình kỹ thuật chuyên dụng khác.

b) Khoản đầu tư này tương đương với 0,23% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động bán buôn gạo, kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê và hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật liên quan.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	17.969.920.223	-
Công ty Cổ phần Thiên Phát	7.300.000.000	7.705.510.772
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	3.738.383.749	3.918.383.749
Công ty Cổ phần Khai thác đá Hà Nam	2.450.000.000	2.650.000.000
Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc (Vĩnh Cửu)	-	12.175.596.826
Các khách hàng khác (*)	7.174.801.244	8.320.098.140
Cộng	38.633.105.216	34.769.589.487

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Khai thác đá Lê Thu	4.772.133.412	4.650.792.539
Các nhà cung cấp khác (*)	1.658.918.300	1.693.787.050
Cộng	6.431.051.712	6.344.579.589

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phú Mỹ An - Hà Nội (*)	26.598.900.000	26.598.900.000
Các đối tượng khác	561.056.623	561.056.623
Cộng	27.159.956.623	27.159.956.623

(*) Đây là khoản phải thu về vốn góp đầu tư xây dựng toà nhà thương mại, văn phòng và căn hộ với Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 86/2017/HĐHTKD ngày 31/05/2017 với tổng giá trị ban đầu là 30.000.000.000 VND. Theo Hợp đồng, sau 06 tháng Công ty có quyền rút vốn và được hưởng lợi tức cố định 11%/năm. Hiện tại, Công ty đã thu hồi một phần khoản phải thu về vốn góp này.

Ngày 10 tháng 05 năm 2022, Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội đã có công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội về việc đề xuất tiến độ, bổ sung báo cáo tài chính và giải trình hoàn thành nghĩa vụ tài chính dự án “Công trình văn phòng, thương mại dịch vụ, nhà ở (Tòa nhà V.I.C Tower)”. Theo đó, Công ty TNHH Phú Mỹ An – Hà Nội đề nghị điều chỉnh tiến độ dự kiến nghiệm thu, đi vào vận hành và sử dụng là Quý I/2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	969.494.650	-	1.147.292.511	-
Tiền lãi cho vay	885.180.000	(339.400.000)	1.237.480.667	(339.400.000)
Phải thu khác	1.261.871.866	-	2.062.651.976	-
Cộng	<u>3.116.546.516</u>	<u>(339.400.000)</u>	<u>4.447.425.154</u>	<u>(339.400.000)</u>
Dài hạn:				
Ký quỹ phục hồi môi trường	7.968.909.709	-	7.517.497.139	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Nợ xấu**

Tại ngày 31/12/2022

VND

Giá trị có thể
thu hồi

Giá gốc

Tổng giá trị các khoản cho vay quá hạn thanh toán
 Tổng giá trị các khoản tiền lãi cho vay quá hạn thanh toán

561.056.623
 339.400.000

561.056.623
 339.400.000

Cộng**900.456.623****900.456.623**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ lâu.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ cho vay và phải thu là khoản tiền lãi cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 31/12/2022

VND

Giá gốc

900.456.623

-

Trên 3 năm

Giá gốc

900.456.623

-

Trên 3 năm

Trần Kim Thi

900.456.623

-

Trên 3 năm

Giá gốc

900.456.623

-

Trên 3 năm

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An	4.087.439.696	4.087.439.696
Đầu tư mỏ đá Núi gió	248.058.177	248.058.177
Chi phí mua đất mỏ Mỏ Tân Cang 3	8.080.644.400	8.080.644.400
Chi phí mua đất khu phụ trợ Mỏ đá Thạnh Phú 2	1.840.685.107	1.840.685.107
Chi phí xây dựng Mỏ đá Tân Cang	6.883.231.421	6.883.231.421
Cộng	<u>21.140.058.801</u>	<u>21.140.058.801</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	29.332.621.306	46.460.990.787	8.289.638.014	289.463.680	84.372.713.787
Mua trong năm	-	493.002.727	2.261.293.181	-	2.754.295.908
Thanh lý trong năm	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
Tại ngày 31/12/2022	29.332.621.306	44.886.574.716	9.763.813.052	289.463.680	84.272.472.754
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2022	25.720.026.492	36.170.550.128	5.819.332.583	224.183.680	67.934.092.883
Khấu hao trong năm	536.107.372	1.924.073.140	710.997.542	16.320.000	3.187.498.054
Thanh lý trong năm	-	(2.067.418.798)	(787.118.143)	-	(2.854.536.941)
Tại ngày 31/12/2022	26.256.133.864	36.027.204.470	5.743.211.982	240.503.680	68.267.053.996
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2022	3.606.887.197	10.296.148.276	2.470.305.431	65.280.000	16.438.620.904
Tại ngày 31/12/2022	3.076.487.442	8.859.370.246	4.020.601.070	48.960.000	16.005.418.758

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 33.353.708.948 VND.

HÓA AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2022	97.797.141.259
Tại ngày 31/12/2022	97.797.141.259
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2022	55.670.246.284
Khấu hao trong năm	4.971.588.372
Tại ngày 31/12/2022	60.641.834.656
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2022	42.126.894.975
Tại ngày 31/12/2022	37.155.306.603

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	255.184.091
Công cụ dụng cụ xuất dùng	475.907.725	625.367.200
Cộng	475.907.725	880.551.291
Dài hạn:		
Chi phí bóc đất phủ các mỏ đá	21.175.753.546	27.820.018.329
Chi phí thuê đất	9.553.114.074	10.490.492.320
Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	5.080.768.379	6.368.501.749
Chi phí đền bù, di dời nhà văn phòng, nhà kho (CTCP ĐTPT Cường Thuận IDICO) tại mỏ Tân Cang 3	803.222.603	961.233.599
Các khoản khác	3.249.783.164	4.458.353.884
Cộng	39.862.641.766	50.098.599.881

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Đá Thanh Phú	9.180.045.005	9.180.045.005	2.261.722.027	2.261.722.027
Công ty TNHH MTV Tân Phú Thạnh	969.460.928	969.460.928	-	-
Công ty TNHH KT TN Lợi Lộc	-	-	5.903.464.058	5.903.464.058
Các nhà cung cấp khác	2.036.897.306	2.036.897.306	1.884.625.326	1.884.625.326
Cộng	12.186.403.239	12.186.403.239	10.049.811.411	10.049.811.411

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.569.660.391	21.385.264.473	20.738.353.158	-	1.922.749.076
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.010.416.543	12.947.649.017	17.551.524.776	-	7.614.292.302
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.043.413.115	3.399.614.190	3.219.752.929	-	863.551.854
Thuế tài nguyên	-	1.794.962.615	20.573.469.795	22.293.038.550	-	3.514.531.370
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.967.748.743	-	275.811.603	3.652.156.728	591.403.618	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	4.414.681.133	-	27.401.128.130	37.365.887.846	1.702.358.606	7.252.437.189
Phí bảo vệ môi trường	-	1.035.459.755	11.800.399.980	12.665.878.572	-	1.900.938.347
Thuế môn bài	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	8.382.429.876	9.453.912.419	97.789.337.188	117.492.592.559	2.293.762.224	23.068.500.138

4.14. Phải trả người lao động

Đây là lương tháng 13 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2022.

4.15. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản dự phòng chi phí phục hồi môi trường được trích dựa trên phương án phục hồi môi trường đã được Nhà nước phê duyệt với thời gian chi trả là vào thời điểm thực tế thực hiện phương án.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hòa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	131.993.166.532	428.691.212.148
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	90.254.477.584	90.254.477.584
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.965.485.000)	(1.965.485.000)
Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.930.970.385)	(3.930.970.385)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(44.178.219.000)	(44.178.219.000)
Tại ngày 01/01/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	171.884.969.731	468.583.015.347
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	52.332.261.663	52.332.261.663
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(1.020.543.662)	(1.020.543.662)
Trích thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.610.180.000)	(3.610.180.000)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(73.630.365.000)	(73.630.365.000)
Tại ngày 31/12/2022	151.199.460.000	58.398.416.000	(11.645.123.500)	98.745.293.116	145.668.142.732	442.366.188.348

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	393.873	393.873
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.726.073	14.726.073

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.16.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	52.332.261.663	90.254.477.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.093.290.986)	(3.610.180.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.238.970.677	86.644.297.584
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	14.726.073	14.726.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.412	5.884

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQĐHĐCĐ-CtyDHA ngày 09 tháng 04 năm 2022.

4.16.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	52.332.261.663	90.254.477.584
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(2.093.290.986)	(3.610.180.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	50.238.970.677	86.644.297.584
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm	14.726.073	14.726.073
Số cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số cổ phần để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.726.073	14.726.073
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.412	5.884

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQĐHĐCĐ-CtyDHA ngày 09 tháng 04 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2022	7.862.636.837	98.745.293.116
Trích trong năm	3.610.180.000	-
Chi trong năm	(3.155.008.684)	-
Tại ngày 31/12/2022	8.317.808.153	98.745.293.116

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán đá vật liệu xây dựng	387.820.074.803	337.422.824.214

5.2. Giá vốn hàng bán

Là tổng chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến doanh thu bán đá vật liệu xây dựng trong năm, bao gồm chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản nộp bổ sung từ năm 2014-2021_Xem thêm Mục 5.6.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi bán chứng khoán	869.955.119	14.986.195.046
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.863.551.636	8.270.602.768
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.347.039.100	2.499.636.200
Cộng	11.080.545.855	25.756.434.014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư (*)	32.464.455.046	5.532.849.500
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(3.654)	(10.410.256.450)
Chi phí tài chính khác	139.079.416	186.680.091
Cộng	32.603.530.808	(4.690.726.859)

(*) Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư năm nay tăng khoảng 487% so với năm trước là do trong năm Công ty đã mua thêm cổ phiếu HPG để nâng mức sở hữu từ 300.000 cổ phiếu ở đầu năm lên 2.640.000 cổ phiếu vào cuối năm. Cổ phiếu HPG đã có hồi phục từ nửa sau của quý 4/2022 nhưng vẫn giảm 15% so với thời điểm cuối quý 3. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hơn 32 tỷ đồng cho khoản đầu tư vào cổ phiếu này.

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.915.323.957	8.831.214.127
Chi phí vật liệu quản lý	518.941.114	490.088.749
Chi phí khấu hao TSCĐ	751.885.718	603.295.227
Thuế, phí và lệ phí	10.420.928	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.041.066	129.823.776
Chi phí khác bằng tiền	5.259.354.389	5.721.760.139
Cộng	16.578.967.172	15.779.182.018

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.055.120.873	20.535.079.227
Chi phí nhân công	33.537.251.954	34.173.782.176
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	27.401.128.130	17.603.046.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.159.086.426	9.468.897.215
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.807.275.986	133.296.545.922
Chi phí khác bằng tiền	43.605.308.628	43.170.834.193
Cộng	301.565.171.997	258.248.185.499

(*) Phí cấp quyền khai thác khoáng sản năm nay tăng khoảng 56% so với năm trước là do năm 2022 Công ty phát sinh khoản nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2014-2021 được ghi nhận vào chi phí năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	65.279.910.680	112.233.187.930
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	805.373.499	160.000.000
Trừ: Cổ tức được chia sau thuế TNDN	(1.347.039.100)	(2.499.636.200)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	64.738.245.079	109.893.551.730
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	12.947.649.017	21.978.710.346
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.947.649.017	21.978.710.346

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Chi nhánh Vĩnh Cửu;
- Chi nhánh Biên Hòa;
- Chi nhánh Bình Phước.

	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2021		Năm 2022	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Tổng cộng	Năm 2021
Doanh thu	182.955.022	169.718.452	140.533.574	111.580.235	64.331.480	56.124.137	387.820.076	337.422.824
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Lợi nhuận gộp	39.508.883	48.349.268	40.965.081	30.105.285	22.372.906	16.601.553	102.846.870	95.056.106
Thu nhập tài chính							11.080.546	25.756.434
Chi phí tài chính							(32.603.531)	4.690.727
Chi phí bán hàng							(13.000)	(102.285)
Chi phí quản lý doanh nghiệp							(16.578.967)	(15.779.182)
Lợi nhuận khác							547.993	2.611.388
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(12.947.649)	(21.978.710)
Lợi nhuận sau thuế							52.332.262	90.254.478

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác:**

	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022	Tổng cộng	Tổng cộng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	46.492.091	40.915.876	40.229.016	37.576.320	8.515.048	12.021.080	95.236.155	90.513.276
							396.176.509	440.708.156
Tổng tài sản	491.412.664	531.221.432						
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	2.633.551	7.878.028	3.710.617	7.788.302	748.110	1.836.472	7.092.278	17.502.802
							41.954.197	45.135.615
Tổng nợ phải trả	49.046.475	62.638.417						
	Vĩnh Cửu		Biên Hòa		Bình Phước		ĐVT: Ngân đồng	
	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Tổng cộng	Tổng cộng
Chi phí mua sắm tài sản cố định	177.273	-	2.577.023	3.179.513	-	-	2.754.296	3.179.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.069.115	4.355.670	3.549.705	3.224.468	1.540.266	1.888.759	8.159.086	9.468.897

Công ty không có báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động trong một lĩnh vực là khai thác và chế biến đá, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP | Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chia cổ tức:		
Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	18.791.715.000	11.275.029.000
Nhân sự quản lý chủ chốt	3.064.278.000	1.288.878.000
Cộng	21.855.993.000	12.563.907.000

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	95.000.000	-
Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	156.558.000	410.577.000
Ông Trịnh Tiến Bầy	Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.552.606.330	1.349.160.000
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc/ Thành viên HĐQT	1.107.067.500	1.080.113.000
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	80.000.000	-
Ông Mai Hoàng Nguyên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	80.000.000	-
Bà Võ Thị Cẩm Hương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	127.133.000	344.977.000
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2022)	127.133.000	344.977.000
Cộng		3.325.497.830	3.529.804.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

Địa chỉ: 20C KP Cầu Hàng, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	288.000.000	288.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trịnh Tiến Bảy
Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Nhung
Người lập

Đồng Nai, ngày 09 tháng 03 năm 2023